

Bản án số: 44/2022/HS-ST

Ngày: 26 - 4 - 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Danh Cư  
2. Bà Đặng Thị Huê

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

**Đỗ Quốc T** (bị cáo khai tại phiên tòa có tên gọi khác là “Cu lý”); sinh năm 1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 2266/3/17 HTP, Ấp B, xã PX, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Con ông Đỗ Văn N (sinh 1958) và bà Phạm Thị L (sinh 1961); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 18/12/2012, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/8/2014 nhưng chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung.

Nhân thân:

- Ngày 10/8/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng do thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 13/7/2010, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2010; nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/4/2011.

- Ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Ngày 07/01/2019, chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1984; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Khóm ĐT, phường ĐT, thị xã BM, tỉnh VL; chỗ ở: 56 DN, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Chí T, sinh năm 1970; nơi cư trú: 222/16D Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Quốc T và bà Nguyễn Kim T có quen biết với nhau từ trước. Khoảng 13 giờ, ngày 04/8/2021, trên đường về nhà, khi đi ngang qua nhà bà T (số 56 DN, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh), T ghé vào nhà bà T xin nước uống. Do là chỗ quen biết, bà T lấy com, nước uống cho T, rồi đi làm việc nhà. Trong lúc ăn uống, T phát hiện xe mô tô biển số 52F5-9330 của bà T dựng trước nhà không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc bà T mất cảnh giác, T lén lút đi đến dắt xe ra ngoài, rồi đi tìm người để bán xe. Khi T dẫn xe đến trước nhà số 17 BHB, Phường MB, Quận 8, thì gặp người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi mua xe và T đồng ý bán xe cho người này với giá 500.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền bán xe.

Sau khi T bỏ đi, bà T phát hiện bị mất xe, qua camera ghi hình, bà T biết được T là người chiếm đoạt xe của mình. Do có quen biết nên bà T đã nhiều lần đến nhà T để yêu cầu T trả lại xe nhưng xe đã bị T bán nên không thu hồi được. Ngày 21/10/2021, bà T đến Công an Phường 2, Quận 8 trình báo và giao nộp hình ảnh T chiếm đoạt tài sản qua trích xuất camera. Công an Phường 2, Quận 8 ghi nhận sự việc, đưa T về trụ sở Công an phường làm việc và T khai nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Sau đó, hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 điều tra, xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 239/KL-HĐĐGTS ngày 26/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định xe mô tô biển số 52F5-9330 có trị giá là 5.600.000 đồng. Ngày 09/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đỗ Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, Đỗ Quốc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai bị hại, hình ảnh Camera ghi hình và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-Q8 ngày 14/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Đỗ Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Quốc T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã quy kết, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm có cơ hội được trở về hòa nhập cuộc sống. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại.

Bị hại bà Nguyễn Kim T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo đúng quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị trộm cắp là 5.600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 8 giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng. Từ những chứng cứ được thu thập hợp pháp, được kiểm tra tại phiên tòa, bản tự khai, biên bản ghi lời khai đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Quốc T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu; ngoài ra, ngày 18/12/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên, cần xem xét về hoàn cảnh, bản thân bị nhiễm HIV; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Quốc T bồi thường cho bị hại Nguyễn Kim T số tiền 5.600.000 đồng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, bị hại vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần phải tranh luận đối đáp thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Chí T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Xét ông T đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc ông T vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đỗ Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, nội dung ghi hình camera, và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ, ngày 04/8/2021, tại nhà số 56 DN, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đỗ Quốc T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 52F5-9330 do bà Nguyễn Kim T là người quản lý, sử dụng hợp pháp.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo Đỗ Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 239/KL-HĐĐGTS ngày 26/10/2021, Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô biển số 52F5-9330 có trị giá là 5.600.000 đồng. Như vậy, bị cáo Đỗ Quốc T đã có hành vi “*trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*” nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội

nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Xét, năm 2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, liên tục có hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, đã được giáo dục, răn đe nhưng không chịu sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị nhiễm bệnh HIV. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo, đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của bị hại về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.600.000 đồng là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Do tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được nên không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Xe mô tô biển số 52F5-9330 do ông Lê Chí T đứng tên đăng ký, là tài sản bị trộm cắp trong vụ án hiện không thu hồi được. Trong quá trình điều tra và trình bày gửi Tòa án, ông T xác định ông chỉ đứng tên giùm ông Lê Chí T (là anh ruột của ông T), ông T là người chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Kim T. Chiếc xe trên là tài sản của ông T giao cho bà T quản lý, sử dụng, ông T đã chết vào năm 2018. Ông T xác định không liên quan đến tài sản và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của ông T trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại nên có căn cứ chấp nhận.

[10] Đối với người đàn ông mua xe của bị cáo T (tài sản do phạm tội mà có), do không xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[11] Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2, Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3, Điều 21, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Quốc T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Buộc bị cáo **Đỗ Quốc T** bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Kim T số tiền là 5.600.000 (năm triệu sáu trăm nghìn) đồng. Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2, Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3, Điều 21, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Đỗ Quốc T** chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phạm Thị Trúc Đào**